

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/04, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/04, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Vũ Chi Viện	Thành viên
Ông Trần Ngọc Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Trường	Phó Giám đốc
Ông Vũ Chi Viện	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Hùng Văn

Giám đốc

Ngày 15 tháng 08 năm 2013

Số: 108 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 21. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo bao gồm số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét cho các số liệu này.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.500.899.181.461	1.407.696.867.853
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	315.736.816.017	480.460.866.546
1. Tiền	111		235.736.816.017	414.590.573.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	65.870.293.507
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.158.948.780.098	915.689.333.169
1. Phải thu khách hàng	131		1.063.543.315.289	864.524.314.266
2. Trả trước cho người bán	132		17.670.549.698	6.404.470.283
3. Các khoản phải thu khác	135	6	77.734.915.111	44.760.548.620
III. Hàng tồn kho	140	7	24.130.951.580	9.294.079.791
1. Hàng tồn kho	141		24.130.951.580	9.294.079.791
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.082.633.766	2.252.588.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		419.106.559	926.830.765
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.663.527.207	1.325.757.582
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		461.495.456.686	512.406.948.170
I. Tài sản cố định	220		447.795.844.124	498.100.860.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	447.631.017.674	497.879.408.622
- Nguyên giá	222		758.386.020.242	755.468.302.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(310.755.002.568)	(257.588.894.367)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	164.826.450	221.451.532
- Nguyên giá	228		689.746.800	710.246.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(524.920.350)	(488.795.268)
II. Tài sản dài hạn khác	260		13.699.612.562	14.306.088.016
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.023.000	78.023.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	10	13.621.589.562	14.228.065.016
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.962.394.638.147	1.920.103.816.023

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐẦU KHÍ BIỂN PTSC**Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.503.964.464.912	1.446.387.851.788
I. Nợ ngắn hạn	310		1.203.121.964.912	1.096.042.914.019
1. Phải trả người bán	312		748.966.168.162	827.298.392.893
2. Người mua trả tiền trước	313		13.310.399.729	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	97.070.619.685	122.866.372.275
4. Phải trả người lao động	315		25.502.438.126	31.258.422.260
5. Chi phí phải trả	316	12	283.881.687.418	94.830.482.668
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	28.509.876.272	17.178.193.403
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.880.775.520	2.611.050.520
II. Nợ dài hạn	330		300.842.500.000	350.344.937.769
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	300.842.500.000	350.344.937.769
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		458.430.173.235	473.715.964.235
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	458.430.173.235	473.715.964.235
1. Vốn điều lệ	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.715.964.235	1.754.770.078
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.000.000.000	2.000.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		42.714.209.000	69.961.194.157
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.962.394.638.147	1.920.103.816.023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ		1.992.542	2.174.001

Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểuNguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởngDương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.662.527.600.183	1.090.686.201.252
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	17	1.662.527.600.183	1.090.686.201.252
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	18	1.570.697.610.644	1.017.846.005.077
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		91.829.989.539	72.840.196.175
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	8.860.909.230	8.553.423.143
6. Chi phí tài chính	22	21	10.934.291.717	17.579.058.509
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.511.883.057</i>	<i>10.809.666.743</i>
7. Chi phí bán hàng	24		8.242.510.363	6.933.340.083
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.094.052.022	33.733.828.489
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		57.420.044.667	23.147.392.237
10. Thu nhập khác	31		50.801.182	10.000.000
11. Chi phí khác	32		72.000.000	40.279.811
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(21.198.818)	(30.279.811)
13. Lợi nhuận trước thuế	50		57.398.845.849	23.117.112.426
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	14.078.161.395	7.965.406.387
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10	606.475.454	-
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		42.714.209.000	15.151.706.039
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.068	379

Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu

Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐẦU KHÍ BIỂN PTSC**Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

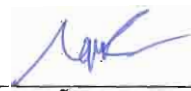
MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
		đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
			(chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.398.845.849	23.117.112.426
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	55.957.366.318	54.965.546.850
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.538.045.160	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.025.881.338)	-
Chi phí lãi vay	06	7.511.883.057	10.809.666.743
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	117.380.259.046	88.892.326.019
Biến động các khoản phải thu	09	(235.234.169.443)	(290.627.088.370)
Biến động hàng tồn kho	10	(14.836.871.789)	(19.541.195.410)
Biến động các khoản phải trả	11	53.191.466.548	122.703.505.667
Biến động chi phí trả trước	12	2.559.667.966	7.571.100.650
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.511.883.057)	(10.809.666.743)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.371.344.513)	(28.286.506.303)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(187.091.611)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.880.953.014)	(4.750.214.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(118.890.919.867)	(134.847.738.530)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.130.269.960)	(11.206.266.655)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.818.182	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	6.025.881.338	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.898.429.560	(11.206.266.655)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	38	(50.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(164.992.490.307)	(156.054.005.185)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	480.460.866.546	391.728.835.941
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	268.439.778	(199.794.777)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	315.736.816.017	235.475.035.979

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 4.558.840.000 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 06 năm 2012: 0 đồng) là chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán cho người bán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu
Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng
Dương Hồng Văn
Giám đốc

Ngày 15 tháng 08 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500818790 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 541 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 545 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyên, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí; Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng; Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng; Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp Sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty là tất cả các khoản công nợ bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ trong 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí bảo dưỡng tài sản trả trước và chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	7.225.612	1.020.306
Tiền gửi ngân hàng	235.729.590.405	414.589.552.733
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	65.870.293.507
	<u>315.736.816.017</u>	<u>480.460.866.546</u>

Các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 7,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu người lao động	69.157.574	-
Phải thu thuế giá trị gia tăng nhà thầu	7.386.233.565	19.736.635.595
Lãi tiền gửi dự thu	58.333.333	507.559.628
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	24.152.331.181	24.371.732.547
Phải thu nội bộ PTSC	46.057.759.458	-
Phải thu khác	11.100.000	144.620.850
	<u>77.734.915.111</u>	<u>44.760.548.620</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	542.157.339	628.738.062
Công cụ, dụng cụ	42.510.000	155.775.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.546.284.241	8.509.566.729
	<u>24.130.951.580</u>	<u>9.294.079.791</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thới Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	40.659.307.679	59.648.564.995	8.902.815.710	646.257.614.605	755.468.302.989
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	7.539.950.412	-	167.161.818	7.707.112.230
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.813.354.959)	-	(2.976.040.018)	(4.789.394.977)
Tại ngày 30/6/2013	40.659.307.679	65.375.160.448	8.902.815.710	643.448.736.405	758.386.020.242
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	13.319.558.901	25.371.471.510	5.974.571.793	212.923.292.163	257.588.894.367
Khấu hao trong kỳ	2.635.542.730	6.147.772.198	46.171.898.747	945.527.561	55.900.741.236
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(636.677.718)	-	(2.097.955.317)	(2.734.633.035)
Tại ngày 30/6/2013	15.955.101.631	30.882.565.990	52.146.470.540	211.770.864.407	310.755.002.568
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	24.704.206.048	34.492.594.458	(43.243.654.830)	431.677.871.998	447.631.017.674
Tại ngày 31/12/2012	27.339.748.778	34.277.093.485	2.928.243.917	433.334.322.442	497.879.408.622

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.371.578.610 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.727.352.700 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	710.246.800
Thanh lý tài sản	(20.500.000)
Tại ngày 30/6/2013	689.746.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	488.795.268
Khấu hao trong kỳ	56.625.082
Thanh lý tài sản	(20.500.000)
Tại ngày 30/6/2013	524.920.350
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	164.826.450
Tại ngày 31/12/2012	221.451.532

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và trong năm trước như sau:

	Các khoản chi phí trích trước VND
Tại ngày 01/01/2012	8.772.486.347
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5.455.578.669
Tại ngày 31/12/2012	14.228.065.016
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(606.475.454)
Tại ngày 30/6/2013	13.621.589.562

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	70.379.855.911	58.337.220.069
Thuế thu nhập cá nhân	1.532.617.958	4.036.285.959
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.728.598.154	28.021.781.272
Thuế nhà thầu	12.429.547.662	32.471.084.975
	<u>97.070.619.685</u>	<u>122.866.372.275</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí quản lý phải trả PTSC	2.127.777.946	6.175.486.737
Trích trước phí sử dụng nhãn hiệu tập đoàn	510.707.446	-
Chi phí thực hiện dự án	280.411.381.817	87.823.175.722
Chi phí phải trả khác	831.820.209	831.820.209
	<u>283.881.687.418</u>	<u>94.830.482.668</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	516.295.791	1.257.959.873
Phải trả, phải nộp khác	27.993.580.481	15.920.233.530
	<u>28.509.876.272</u>	<u>17.178.193.403</u>

14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản phải trả cho PTSC liên quan đến số tiền PTSC vay hộ cho Công ty để đầu tư vào hai sà lan thuộc sở hữu của Công ty trong năm 2010. Các khoản vay này bao gồm hợp đồng vay với số tiền 21.000.000 Đô la Mỹ từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 3,4% một năm và hợp đồng vay từ Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt với số tiền 45.000.000.000 đồng có thời hạn 5 năm và chịu lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm cộng 2,6% một năm. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán thông qua PTSC khi đến hạn.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	400.000.000.000	18.874.770.078	(3.853.849.145)	-	-	415.020.920.933
Lợi nhuận trong năm	-	69.961.194.157	-	-	-	69.961.194.157
Chia cổ tức	-	(10.000.000.000)	-	-	-	(10.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	(8.874.770.078)	-	1.754.770.078	2.000.000.000	(5.120.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	3.853.849.145	-	-	3.853.849.145
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>400.000.000.000</u>	<u>69.961.194.157</u>	<u>-</u>	<u>1.754.770.078</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>473.715.964.235</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	42.714.209.000	-	-	-	42.714.209.000
Chia cổ tức	-	(50.000.000.000)	-	-	-	(50.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	(19.961.194.157)	-	6.961.194.157	5.000.000.000	(8.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2013	<u>400.000.000.000</u>	<u>42.714.209.000</u>	<u>-</u>	<u>8.715.964.235</u>	<u>7.000.000.000</u>	<u>458.430.173.235</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSCSố 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 22 tháng 4 năm 2013, theo Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT-LĐBD-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia cổ tức bổ sung của năm 2013 và trích lập các quỹ từ một phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với số tiền lần lượt là 50.000.000.000 đồng (năm 2012: 10.000.000.000 đồng) và 19.961.194.157 đồng (năm 2012: 8.874.770.078 đồng). Trong kỳ, số cổ tức trên đã được thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương với 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Cổ phần sở hữu		Vốn đã góp			
	30/06/2013		30/06/2013		31/12/2012	
	<u>Số lượng</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33.980.700	85	339.807.000.000	85	339.807.000.000	85
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	4.000.000	10	40.000.000.000	10	40.000.000.000	10
Cổ đông khác	2.019.300	5	20.193.000.000	5	20.193.000.000	5
Tổng cộng	40.000.000	100	400.000.000.000	100	400.000.000.000	100

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành hoạt động lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng công trình dầu khí biển, cung ứng hàng hóa, nhân lực và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

17. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 <u>VND</u> (chưa soát xét)
Dịch vụ cung ứng lao động	910.841.611	1.259.216.757
Dịch vụ cơ khí, sửa chữa và bảo dưỡng	12.676.932.744	35.428.169.217
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.345.582.440.747	800.599.975.341
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	101.721.321.937	208.866.799.707
Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng	201.636.063.144	38.474.415.936
Dịch vụ khác	-	6.057.624.294
	1.662.527.600.183	1.090.686.201.252

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 <u>VND</u> (chưa soát xét)
Dịch vụ cung ứng lao động	949.234.713	1.144.853.251
Dịch vụ cơ khí, sửa chữa, bảo dưỡng	11.978.353.183	32.038.484.998
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.262.814.438.504	864.104.703.126
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	97.184.568.345	78.119.469.119
Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng	197.771.015.899	36.470.308.751
Dịch vụ khác	-	5.968.185.832
	1.570.697.610.644	1.017.846.005.077

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
		(chưa soát xét)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.641.397.486	104.479.926.818
Chi phí nhân công	130.805.770.201	141.298.590.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.957.366.318	74.851.975.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.356.744.287.350	774.444.036.353
Chi phí khác	431.635.915	696.409.411
	1.626.580.457.270	1.095.770.938.188

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
		(chưa soát xét)
Lãi tiền gửi	6.025.881.338	7.782.832.009
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.835.027.892	770.591.134
	8.860.909.230	8.553.423.143

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
		(chưa soát xét)
Chi phí lãi vay	7.511.883.057	10.809.666.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	722.686.048	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.538.045.160	6.769.391.766
Chi phí tài chính khác	161.677.452	-
	10.934.291.717	17.579.058.509

Chi phí lãi vay bao gồm khoản lãi vay 7.845.989.716 đồng phải trả cho PTSC cho hợp đồng vay hộ 21.000.000 Đô la Mỹ và 45.000.000.000 đồng để đầu tư cho hai sà lan hiện đang sở hữu bởi Công ty.

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
		(chưa soát xét)
Lợi nhuận trước thuế	57.398.845.849	23.117.112.426
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(1.086.200.268)	-
Cộng: các chi phí không được khấu trừ	-	8.744.513.122
Thu nhập chịu thuế	56.312.645.581	31.861.625.548
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.078.161.395	7.965.406.387

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ hoạt động kết thúc 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động kết thúc 30/6/2012 VND (chưa soát xét)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	42.714.209.000	15.151.706.039
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	42.714.209.000	15.151.706.039
Số bình quân của cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.068	379

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm khoản PTSC vay hộ như đã trình bày tại Thuyết minh số 14) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	300.842.500.000	350.344.937.769
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(315.736.816.017)	(480.460.866.546)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	458.430.173.235	473.715.964.235
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	315.736.816.017	480.460.866.546
Phải thu khách hàng	1.063.543.315.289	864.524.314.266
Các khoản phải thu khác	77.734.915.111	44.760.548.620
Các khoản ký quỹ	1.663.527.207	1.325.757.582
	1.458.678.573.624	1.391.071.487.014
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	748.966.168.162	827.298.392.893
Phải trả khác	28.509.876.272	17.178.193.403
Chi phí phải trả	283.881.687.418	94.830.482.668
Phải trả dài hạn khác	300.842.500.000	350.344.937.769
	1.362.200.231.852	1.289.652.006.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>710.902.503.147</u>	<u>714.012.067.422</u>	<u>489.407.945.538</u>	<u>519.716.334.153</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được ước tính ở mức 5% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng 11.074.727.880 đồng (năm 2012: 9.714.786.663 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ hoạt động là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động đó, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm/tăng 1.504.212.500 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2012: 1.751.724.689 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế <u>VND</u>
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 ngày 30/6/2013		
VND	+100	(1.504.212.500)
VND	-100	1.504.212.500
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 ngày 30/6/2012		
VND	+100	(1.751.724.689)
VND	-100	1.751.724.689

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thảng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	315.736.816.017	-	315.736.816.017
Phải thu khách hàng	1.063.543.315.289	-	1.063.543.315.289
Các khoản phải thu khác	77.734.915.111	-	77.734.915.111
Các khoản ký quỹ	1.663.527.207	-	1.663.527.207
Tổng cộng	1.458.678.573.624	-	1.458.678.573.624
30/6/2013			
Phải trả khách hàng	748.966.168.162	-	748.966.168.162
Phải trả khác	28.509.876.272	-	28.509.876.272
Chi phí phải trả	283.881.687.418	-	283.881.687.418
Phải trả dài hạn khác	-	300.842.500.000	300.842.500.000
Tổng cộng	1.061.357.731.852	300.842.500.000	1.362.200.231.852
Chênh lệch thanh khoản thuần	397.320.841.772	(300.842.500.000)	96.478.341.772
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	480.460.866.546	-	480.460.866.546
Phải thu khách hàng	864.524.314.266	-	864.524.314.266
Các khoản phải thu khác	44.760.548.620	-	44.760.548.620
Các khoản ký quỹ	1.325.757.582	-	1.325.757.582
Tổng cộng	1.391.071.487.014	-	1.391.071.487.014
31/12/2012			
Phải trả khách hàng	827.298.392.893	-	827.298.392.893
Phải trả khác	17.178.193.403	-	17.178.193.403
Các khoản phải trả	94.830.482.668	-	94.830.482.668
Phải trả dài hạn khác	-	350.344.937.769	350.344.937.769
Tổng cộng	939.307.068.964	350.344.937.769	1.289.652.006.733
Chênh lệch thanh khoản thuần	451.764.418.050	(350.344.937.769)	101.419.480.281

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Doanh thu		(chưa soát xét)
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	12.485.293.874	399.146.504
Tổng Công ty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)	55.755.743.978	7.035.931.066
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.128.919.013.705	403.500.490.379
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	31.707.481.782	23.282.690.067
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	-	60.537.467.320

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Mua hàng		
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	8.955.579.057	750.321.255
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	16.031.700.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	42.404.594.322	179.970.181.937
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (PVI)	9.242.305.467	2.354.641.939
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	5.893.765.472	5.239.048.723
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	939.288.000	1.166.629.280
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	40.911.478.315	149.263.273

Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND (chưa soát xét)
Tổng thu nhập	1.988.246.700	2.501.768.653

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Thăm dò khai thác Dầu Khí (PVEP)	41.009.407.026	3.263.692.069
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	573.270.362.939	515.658.512.574
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	20.150.634.892	2.086.325.491
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	-	5.736.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	-	11.471.363.893
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	613.901.200	-
Các khoản phải trả		
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	6.204.006.805	7.507.496.317
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng DKVN - CTCP (EIC)	33.411.683.795	245.674.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	29.083.704.384	52.118.585.394
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (PVI)	3.344.127.924	11.716.142
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	5.303.791.382	3.218.943.333
Phải trả dài hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	300.842.500.000	350.344.937.769

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất
Thành phố Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể, việc phân loại lại đã được thực hiện trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Báo cáo năm trước VND	Phân loại lại VND	Thay đổi thuần VND
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	367.523.131.172	17.178.193.403	350.344.937.769
Phải trả dài hạn khác	-	350.344.937.769	(350.344.937.769)

Bên cạnh đó, số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được soát xét.

Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu

Nguyễn Minh Ngọc
Kê toán trưởng



Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2013